TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁT XÁT** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**
Số: 06/2023/QĐST - DS	*Bát Xát, ngày 21 tháng 8 năm 2023*.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ Luật tố Tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 06/2023/TLST - DS ngày 25 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản Hoà giải thành về việc giải quyết vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: - Ông Sùng A P, sinh ngày 25/12/1966.

- Bà Lý Thị S, sinh ngày 04/3/1968.

Cùng địa chỉ: thôn N 1, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn: Ông Sùng A S, sinh ngày 27/10/1956.

Địa chỉ: thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Cháng Thị G, sinh ngày 20/7/1958;
- Chị Lù Thị C, sinh ngày 15/02/1994;
- Anh Sùng A H, sinh ngày 06/9/1992;

Cùng địa chỉ: thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai

- Anh Sùng A L, sinh ngày 28/4/1997;
- Anh Sùng A Gi, sinh ngày 15/7/1999;
- Chị Lù Thị S, sinh ngày 16/6/1994.

Cùng địa chỉ: thôn N 1, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Sùng A L, anh Sùng A Gi và chị Lù Thị S là ông Sùng A P, theo giấy ủy quyền lập ngày 19/5/2023.

- Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lù A H.

Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Sùng A P, bà Lý Thị S và ông Sùng A S, bà Cháng Thị G anh Sùng A H, chị Lù Thị C thống nhất và thỏa thuận như sau:

2.1 Ông Sùng A S, bà Cháng Thị G, anh Sùng A H và chị Lù Thị C phải có trách nhiệm trả lại cho ông Sùng A P, bà Lý Thị S, anh Sùng A L, anh Sùng A Gi, chị Lù Thị S 12.506.8 m^2 đất RTS, thuộc thửa số 83, tờ bản đồ số 02, tổng diện tích là 118.743 m^2, đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/02/2007, mang tên ông hộ ông Sùng A P và bà Lý Thị S.

Vị trí và tứ cận 12.506.8 m^2 đất RTS như sau:

Phía Bắc giáp đất một phần đất thửa 83 và hộ ông Hầu A Mỉ từ điểm 53 đến điểm số 1 là 173.92 m.

Phía Đông giáp một phần đất thửa 83 và hộ ông Lý A Cớ từ điểm số 1 đến điểm 13 là 116.8 m, từ điểm 13 đến điểm 16 là 39.1 m, từ điểm 16 đến 21 là 62.3 m.

Phía Nam giáp đất thửa 83 ông Phừ đang sử dụng từ điểm 21 đến điểm 24 là 41.78 m.

Phía Tây giáp đất ông Sùng A S và bà Cháng Thị G đang sử dụng từ điểm 24 đến điểm 53 là 136,55 m.

Trên đất hiện tại đang trồng sắn, do ông Sùng A S trồng từ đầu năm 2023, ông Sùng A S, bà Cháng Thị G, anh Sùng A H và chị Lù Thị C phải có trách nhiệm thu hoạch sắn vụ năm 2023, sau khi thu hoạch sắn xong vụ năm 2023 phải trả lại diện tích đất ở trên cho ông Sùng A P, bà Lý Thị S, anh Sùng A L, anh Sùng A Gi, chị Lù Thị S.

2.2 Ông Sùng A S, bà Cháng Thị G, anh Sùng A H và chị Lù Thị C được quyền sử dụng tổng diện tích đất 9.937.1 m^2 đất R.T.S và tài sản trên đất, đất thuộc thửa số 83, tờ bản đồ số 02, trong tổng diện tích là 118.743 m^2, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/02/2007, mang tên ông hộ ông Sùng A P và bà Lý Thị S.

Tứ cận và vị trí 9.960.2 m^2 đất R.T.S như sau:

Phía Tây Bắc giáp đất thuộc thửa 83, ông Sùng A P đang sử dụng từ điểm 43 đến điểm 53 là 98.89 m.

Phía Đông giáp đất ông Sùng A S phải trả lại cho ông Phừ từ điểm 53 đến điểm 24 là 136.55 m.

Phía Nam giáp đất thuộc thửa 83 từ điểm 24 đến điểm 32 là 64.62 m.

Phía Tây Nam giáp với đường dân sinh và giáp với đất ao, thuộc thửa 84 do Ủy ban nhân xã Nậm Chạc quản lý, điểm tiếp giáp với đường dân sinh từ điểm 43 đến điểm 35 là 79.27m, điểm tiếp giáp với đất ao từ điểm 35 đến điểm 31 là 32.44m.

Tài sản trên đất gồm có: 01 nhà xây tường 10 cm diện tích nhà 75.5 m^2. Nhà bếp 23.6 m^2 cùng với bể chứa nước, phần bán mái 35 m^2, cùng các loại cây, cây mai có 5 khóm, cây Chanh 02 cây, cây Xoài 3 cây to 4 tuổi (đã có quả), 11 cây bé 2 tuổi chưa ra quả. 01 cây mít đã có quả trồng từ năm 2010. Diện tích còn lại hiện tại đang trồng sắn và có 107 cây Xoan vanh từ 15 đến 20 cm. Toàn bộ tài sản và các loại cây ở trên được dựng và trồng trên diện 1831.5 $m^{2.}$

Diện tích còn lại 8.105.6 m^2 là trồng sắn vụ năm 2023.

Ông Sùng A S, bà Cháng Thị G, anh Sùng A H và chị Lù Thị C có trách nhiệm làm thủ tục tách thửa, sang tên và chịu chi phí tách thửa theo qui định của pháp luật.

2.3 Ông Sùng A S, bà Cháng Thị G, anh Sùng A H và chị Lù Thị C và Ủy ban nhân dân xã Nậm Chạc, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai thỏa thuận như sau:

Ông Sùng A S, bà Cháng Thị G, anh Sùng A H và chị Lù Thị C phải trả lại cho Ủy ban nhân dân xã Nậm Chạc, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai diện tích đất ao đang sử dụng là 101.3 m^2, khi trả lại diện tích đất ở trên phải tháo dỡ tài sản trên đất là một phần nhà xây tường 10. Vị trí phía Tây Nam giáp với đường liên thôn, từ điểm 35 đến điểm 31 là 32.44 m (cụ thể trong sơ đồ trích đo kèm theo quyết định).

2.4 Về chi phí tố tụng khác: Theo biên bản quyết toán lập ngày 10/8/2023 tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 18.000.000 đồng, ông Sùng A P đã nộp đủ số tiền trên. Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận mỗi bên chịu ½ .

Ông Sùng A S, bà Cháng Thị G anh Sùng A H và chị Lù Thị C phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Sùng A P và bà Lý Thị S tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 9.000.000 (chín triệu) đồng. Xác nhận ông Sùng A P và bà Lý Thị S đã nộp đủ 9.000.000 (chín triệu) đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo biên bản quyết toán lập ngày 10/8/2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

(Có bản trích đo địa chính phục vụ phiên xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/6/2023, đây là bản không thể tách rời quyết định).

3. Về án phí:

Ông Sùng A P và bà Lý Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Sùng A P và bà Lý Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002395 ngày 21/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Ông Sùng A S, bà Cháng Thị G, anh Sùng A H, chị Lù Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bát Xát;
- Chi cục THADS H. Bát Xát;
- Đương sự (9);
- Lưu HS, TQĐ, VP.

THẨM PHÁN

Hoàng Duy Chiến